TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 3 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Mỹ Dung;

Bà Hà Thị Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lê Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Bích N, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú (nơi tạm trú): Số A, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-6-2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26-10-2023 bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Bích N trình bày:

Sau thời gian tự do tìm hiểu chị và anh Lương Văn H được gia đình hai

bên tổ chức hôn lễ theo nghi thức cổ truyền, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 28-10-2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lương Văn H ngoại tình, bỏ bê gia đình, không phụ giúp chị chăm sóc con cái, giữa vợ chồng nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn. Vì vun đắp hạnh phúc gia đình nên chị lựa chọn tha thứ cho anh H. Tuy nhiên, khoảng tháng 6-2021 chị lại phát hiện anh H lại có tình cảm với một người phụ nữ khác nữa. Chị với anh H có nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, chị làm đơn xin ly hôn với anh Lương Văn H. Sau đó, vì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị đã rút đơn ly hôn, tuy nhiên anh H không thay đổi. Cuộc sống vợ chồng xảy ra xô xát thường xuyên kể từ thời điểm anh H có tình cảm với người phụ nữ khác, anh H không thường xuyên ở nhà những lúc không đi làm, từ tháng 6-2021 vợ chồng sống ly thân đến nay. Cuối tháng 4-2023, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở huyện V, tỉnh Lạng Sơn ở. Đến tháng 01-2024 chị đi thuê trọ tại Nhà trọ G, địa chỉ số A Đ, phường C, thành phố L sinh sống. Từ thời điểm ly thân, vợ chồng không ai muốn hàn gắn tình cảm. Do mâu thuẫn của vợ chồng quá trầm trọng, kéo dài nhiều năm, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn H.

Về con chung: Chị và anh Lương Văn H có 02 con chung là cháu Lương Nhã U sinh ngày 31-3-2017, cháu đang học tại lớp 1a2 Trường tiểu học V1; cháu Lương Thảo N1 sinh ngày 28-10-2019, cháu đang học lớp 4 tuổi trường mầm non 8/3, hai cháu đều học tại thành phố L và hiện nay đều đang ở cùng với chị. Chị hiện đang làm việc tại Công ty V2, địa chỉ số A N, phường T, thành phố L có ký hợp đồng, công việc làm vận chuyển hàng hóa cho khách hàng theo phân công của Công ty, mức lương trung bình 5.000.000 đồng - 6.000.000 đồng/01 tháng. Chị có đủ điều kiện về chỗ ở và thu nhập để nuôi con, có thời gian chăm sóc con. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu khi ly hôn chị và anh Lương Văn H mỗi người nuôi 01 con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nhưng do quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Văn H không hợp tác tham gia trình bày ý kiến, không có trách nhiệm chăm sóc con. nên chị thay đổi yêu cầu khi ly hôn chị N yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Lương Văn H phải cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện bổ sung, chị Hoàng Thị Bích N khai chị và anh Lương Văn H có nợ anh Bùi Đức N2 là anh rể của anh H, trú tại số B đường N, K, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn 100.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị yêu cầu chị và anh Lương Văn H mỗi người phải chịu trách nhiệm trả cho anh Bùi Đức N2 1/2 số tiền nợ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết tại Tòa án anh Bùi Đức N2 trình bày số tiền 100.000.000 đồng anh cho chị N, anh H vay, nay anh không yêu cầu chị N, anh H trả lại tiền. Nên chị xác định không có nợ chung.

Bị đơn anh Lương Văn H không có bản khai. Tại thủ tục hòa giải tại Tòa án, ngày 25-8-2023 anh Lương Văn H tham gia buổi làm việc trình bày tài sản chung vợ chồng có 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12A- 10746 mua năm 2019, xe mua mới, đứng tên chủ sở hữu xe là chị Hoàng Thị Bích N. Nhưng chị N đã tự ý bán xe này lấy tiền để chi tiêu cho cá nhân chị N, anh H không được biết việc bán xe và không được chia tiền bán xe, anh H yêu cầu chia 1/2 tiền bán xe ô tô. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Lương Văn H để tham gia các giai đoạn tố tụng nhưng anh Lương Văn H đều vắng mặt, không thông báo lý do cho Tòa án biết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán , Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc đúng quy định về việc viết bản khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định. Bị đơn không chấp hành quy định về viết bản khai, tham gia phiên hòa giải, phiên tòa. Tòa án đã giao văn bản tố tụng, phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lương Văn H là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Bích N và anh Lương Văn H có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống chị Hoàng Thị Bích N và anh Lương Văn H nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Từ tháng 6-2021 vợ chồng sống ly thân; từ tháng 4-2023 chị Hoàng Thị Bích N chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở và đến tháng 01-2024 đã thuê trọ để ở. Như vậy, chị Hoàng Thị Bích N và anh Lương Văn H không còn sống chung, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, không có sự thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau, cùng nhau nuôi dạy con cái. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Hoàng Thị Bích N và anh Lương Văn H đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị Bích N.

Về con chung: Chị Hoàng Thị Bích N và anh Lương Văn H có 02 con chung gồm cháu Lương Nhã U, sinh ngày 31-3-2017 và cháu Lương Thảo N1, sinh ngày 28-10-2019. Khi ly hôn chị N yêu cầu chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Lương Văn H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng chị Hoàng Thị Bích N; chị N có chỗ ở, việc làm ổn định, có thu nhập, điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Lương Văn H làm lao động tự do, không có yêu cầu giải quyết. Do đó, để giữ ổn định về chỗ ở, tâm sinh lý phát triển mọi mặt của cháu, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Bích N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị Bích N không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Bích N chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Hoàng Thị Bích N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết ly hôn và nuôi con chung giữa chị và anh Lương Văn H. Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Lương Văn V (bố đẻ bị đơn Lương Văn H) và Biên bản xác minh ngày 27/02/2024 thì hiện nay bị đơn anh Lương Văn H cư trú tại thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn; xác định quan hệ pháp luật là "ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".

[2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện được việc tống đạt văn bản tố tụng cho anh Lương Văn H hợp lệ theo quy định. Anh Lương Văn H biết việc chị Hoàng Thị Bích N nộp đơn và Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn thụ lý giải quyết vụ án nhưng không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa mở lần thứ nhất và lần thứ hai anh Lương Văn H đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Bích N và anh Lương Văn H chung sống có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống chị Hoàng Thị Bích N và anh Lương Văn H nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là anh Lương Văn H không quan tâm vợ con. Từ khoảng đầu năm 2023 đến nay, chị Hoàng Thị Bích N chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn sinh sống và ly thân anh Lương Văn H. Như vậy, chị Hoàng Thị Bích N và anh Lương Văn H không còn sống chung, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, không có sự thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau, cùng nhau nuôi dạy con cái. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Hoàng Thị Bích N và anh Lương Văn H đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Bích N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Hoàng Thị Bích N và anh Lương Văn H có có 02 con chung gồm cháu Lương Nhã U, sinh ngày 31-3-2017 và cháu Lương Thảo N1, sinh ngày 28-10-2019. Khi ly hôn chị N yêu cầu là chị người trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Lương Văn H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay các cháu Lương Nhã U và Lương Thảo N1 đang sống cùng chị N; chị N có việc làm, có thu nhập, chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Lương Văn H làm lao động tự do, thường xuyên vắng nhà, không tham gia giải quyết vụ án để trình bày ý kiến, yêu cầu giải quyết. Do đó, để giữ ổn định về chỗ ở, tâm sinh lý phát triển mọi mặt của cháu, cần có mẹ chăm sóc, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị N được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Lương Nhã U và Lương Thảo N1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị Bích N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện bổ sung, chị Hoàng Thị Bích N khai chị và anh Lương Văn H có nợ anh Bùi Đức N2 là anh rể của anh H số tiền 100.000.000 đồng. Chị Hoàng Thị Bích N yêu cầu khi ly hôn, chị và anh Lương Văn H mỗi người phải chịu trách nhiệm trả cho anh Bùi Đức N2 1/2 số tiền nợ. Tuy nhiên, tại đơn trình bày anh Bùi Đức N2 khai số tiền 100.000.000 đồng anh đã cho chị Hoàng Thị Bích N và anh Lương Văn H vay, nay anh không yêu cầu chị N, anh H trả lại tiền. Chị Hoàng Thị Bích N thay đổi lời khai xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lương Văn H không hợp tác tham gia tố tụng, không có bản khai đối với việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng; anh Lương Văn H có quyền khởi kiện để giải quyết các nội dung này bằng vụ án khác.

[9] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[10] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 171; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Bích N ly hôn với anh Lương Văn H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2015, ngày 28/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Bích N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là cháu Lương Nhã U sinh ngày 31-3-2017 và cháu Lương Thảo N1 sinh ngày 28-10-2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Lương Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền án phí nêu trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Hoàng Thị Bích N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000182 ngày 26-10-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Bích N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lương Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Mai Pha, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Ninh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Mỹ Dung **Hà Thị Hồng Thu** **Nguyễn Hải Ninh**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Ninh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nông Văn Lâm **Lâm Đức Hiếu**